

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (6 điểm)

Câu 1: (ID: 676501) Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ DÂN SỐ CỦA HOA KÌ VÀ NHẬT BẢN NĂM 2014

STT	Quốc gia	Giá trị xuất khẩu (tỉ USD)	Dân số (triệu người)
1	Hoa Kỳ	1 610	323,9
2	Nhật Bản	710,5	126,7

Theo bảng số liệu, để thể hiện giá trị xuất khẩu và dân số của Hoa Kỳ và Nhật Bản năm 2014, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Cột. C. Tròn. D. Miền.

Câu 2: (ID: 676502) Vai trò của công nghiệp **không** phải là

- A. đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu.
B. đóng vai trò chủ đạo trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.
C. cung cấp các tư liệu sản xuất, tạo sản phẩm tiêu dùng.
D. sản xuất ra khối lượng của cải vật chất lớn cho xã hội.

Câu 3: (ID: 676503) Ưu điểm nổi bật của ngành hàng không là

- A. khối lượng vận chuyển lớn. B. cước phí vận chuyển rẻ.
C. tốc độ vận chuyển nhanh. D. ít gây ô nhiễm môi trường.

Câu 4: (ID: 676504) Nhân tố nào sau đây làm giảm tính phụ thuộc vào tự nhiên của nông nghiệp?

- A. Quan hệ sở hữu ruộng đất. B. Thị trường.
C. Tiến bộ khoa học kỹ thuật. D. Dân cư lao động.

Câu 5: (ID: 676505) Nguồn thức ăn đối với chăn nuôi đóng vai trò

- A. quyết định. B. cơ sở. C. quan trọng. D. tiền đề.

Câu 6: (ID: 676506) Sự phát triển của công nghiệp thực phẩm có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của ngành nào sau đây?

- A. Xây dựng. B. Nông nghiệp. C. Luyện kim. D. Khai khoáng.

Câu 7: (ID: 676507) Đặc điểm nào sau đây làm cho sản xuất công nghiệp không đòi hỏi không gian rộng lớn?

- A. Gồm nhiều ngành phức tạp. B. Gồm ít ngành sản xuất.
C. Sản xuất có tính tập trung cao độ. D. Bao gồm hai giai đoạn.

Câu 8: (ID: 676508) Các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nghề nghiệp thuộc về nhóm ngành

A. dịch vụ kinh doanh. B. dịch vụ tiêu dùng. C. dịch vụ cá nhân. D. dịch vụ công.

Câu 9: (ID: 676509) Nhân tố nào sau đây giúp ngành công nghiệp khai thác tài nguyên có hiệu quả hơn?

A. Đường lối chính sách. B. Tiến bộ khoa học kỹ thuật.
C. Dân cư và nguồn lao động. D. Thị trường.

Câu 10: (ID: 676510) Loài gia súc được nuôi nhiều ở các vùng khô hạn, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt là

A. bò. B. trâu. C. dê. D. lợn.

Câu 11: (ID: 676511) Lúa gạo là cây phát triển tốt nhất trên đất

A. phù sa, cần có nhiều phân bón. B. ẩm, nhiều mùn, dễ thoát nước.
C. màu mỡ, cần ít phân bón. D. ẩm, tầng mùn dày, nhiều sét.

Câu 12: (ID: 676512) Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm ngành công nghiệp dệt?

A. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú. B. Lao động dồi dào, nhu cầu lớn về nhân công.
C. Đòi hỏi trình độ khoa học - kỹ thuật cao. D. Thị trường tiêu thụ rộng lớn, dân số đông.

Câu 13: (ID: 676513) Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là

A. sự tiện nghi và sự an toàn của hành khách. B. các loại xe vận chuyển và hàng hóa.
C. phương tiện giao thông và tuyến đường. D. sự chuyên chở người và hàng hóa.

Câu 14: (ID: 676514) Ý nào sau đây **không** đúng với đặc điểm của khu công nghiệp tập trung?

A. Gồm nhiều nhà máy xí nghiệp có quan hệ với nhau.
B. Có vị trí thuận lợi gần bên cảng, sân bay.
C. Gắn liền với đô thị vừa và lớn.
D. Có các xí nghiệp phục vụ, hỗ trợ.

Câu 15: (ID: 676515) Sản phẩm công nghiệp điện tử - tin học thuộc nhóm thiết bị viễn thông là

A. ti vi màu, điện thoại, casset. B. linh kiện điện tử, các vi mạch.
C. thiết bị công nghệ, phần mềm. D. máy fax, điện thoại, mạng viba.

Câu 16: (ID: 676516) Loại hình vận tải có tính cơ động, khả năng thích ứng cao với mọi loại địa hình, đạt hiệu quả kinh tế cao trên các cự li ngắn và trung bình là giao thông đường

A. biển. B. sắt. C. sông. D. ô tô.

Câu 17: (ID: 676517) Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN VÀ KHỐI LƯỢNG LUÂN CHUYỂN
CỦA MỘT SỐ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA, NĂM 2013

Phương tiện vận tải	Khối lượng vận chuyển (nghìn tấn)	Khối lượng luân chuyển (triệu tấn.km)
Đường sắt	9385,0	3725,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2013, NXB Thống kê, 2014)

Cự li vận chuyển trung bình về hàng hóa của đường sắt là:

A. 325 km. B. 389 km. C. 396,9 km. D. 395,5 km.

Câu 18: (ID: 676518) Ngành nông nghiệp có vai trò

- A.** cung cấp tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế. **B.** cung cấp thiết bị, máy móc cho con người.
C. cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người. **D.** vận chuyển người và hàng hóa.

Câu 19: (ID: 676519) Đặc điểm của sản xuất công nghiệp **không** phải là

- A.** gồm có nhiều ngành phức tạp. **B.** bao gồm có hai giai đoạn.
C. có tính chất tập trung cao độ. **D.** phụ thuộc nhiều vào tự nhiên.

Câu 20: (ID: 676520) Ngành công nghiệp được coi là thước đo trình độ phát triển khoa học - kĩ thuật của mọi quốc gia trên thế giới là

- A.** điện tử - tin học. **B.** công nghiệp thực phẩm.
C. công nghiệp năng lượng. **D.** sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 21: (ID: 676521) Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là

- A.** cây trồng và hàng tiêu dùng. **B.** máy móc và cây trồng.
C. cây trồng và vật nuôi. **D.** hàng tiêu dùng và vật nuôi.

Câu 22: (ID: 676522) Nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến việc lựa chọn địa điểm xây dựng khu công nghiệp là

- A.** dân cư và nguồn lao động. **B.** tài nguyên thiên nhiên.
C. cơ sở hạ tầng. **D.** vị trí địa lí.

Câu 23: (ID: 676523) Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán có ảnh hưởng đến

- A.** hiệu quả các ngành dịch vụ. **B.** hình thức tổ chức mạng lưới dịch vụ.
C. trình độ phát triển ngành dịch vụ. **D.** mức độ tập trung ngành dịch vụ.

Câu 24: (ID: 676524) Ngành vận tải nào sau đây có khả năng phối hợp hoạt động với các loại hình vận tải khác?

- A.** Đường ô tô. **B.** Đường hàng không. **C.** Đường thủy. **D.** Đường sắt.

PHẦN II. TỰ LUẬN (4 điểm)

Câu 25: (ID: 676525) Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 - 2019

(Đơn vị: triệu người)

Năm	2000	2005	2010	2015	2019
Số dân	6 143,5	6 541,9	6 956,8	7 379,8	7 713,0

Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện dân số thế giới giai đoạn 2000 - 2019 và nêu nhận xét.

Câu 26: (ID: 676526) Phân tích những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai? Giải thích vì sao than dần được thay thế bằng nguồn năng lượng tái tạo?

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (6 điểm)

1.B	2.A	3.C	4.C	5.A	6.B	7.C	8.A	9.B	10.C
11.A	12.C	13.D	14.C	15.D	16.D	17.C	18.C	19.D	20.A
21.C	22.D	23.B	24.A						

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Nhận dạng biểu đồ.

Cách giải:

Theo bảng số liệu, để thể hiện giá trị xuất khẩu và dân số của Hoa Kỳ và Nhật Bản năm 2014, dạng biểu đồ cột (cụ thể là biểu đồ cột ghép) là biểu đồ thích hợp nhất.

Chọn B.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Công nghiệp.

Cách giải:

Đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu không phải là vai trò của công nghiệp.

Chọn A.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Dịch vụ.

Cách giải:

Ưu điểm nổi bật của ngành hàng không là tốc độ vận chuyển nhanh.

Chọn C.

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Nông nghiệp.

Cách giải:

Tiến bộ khoa học kỹ thuật làm giảm tính phụ thuộc vào tự nhiên của nông nghiệp.

Chọn C.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Nông nghiệp.

Cách giải:

Nguồn thức ăn đóng vai trò quyết định đối với chăn nuôi.

Chọn A.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Công nghiệp.

Cách giải:

Sự phát triển của công nghiệp thực phẩm có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của ngành nông nghiệp.

Chọn B.

Câu 7 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Công nghiệp.

Cách giải:

Sản xuất có tính tập trung cao độ làm cho sản xuất công nghiệp không đòi hỏi không gian rộng lớn.

Chọn C.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Dịch vụ.

Cách giải:

Các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nghề nghiệp thuộc về nhóm ngành dịch vụ kinh doanh.

Chọn A.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Công nghiệp.

Cách giải:

Tiến bộ khoa học kĩ thuật giúp ngành công nghiệp khai thác tài nguyên có hiệu quả hơn.

Chọn B.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Nông nghiệp.

Cách giải:

Loài gia súc được nuôi nhiều ở các vùng khô hạn, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt là dê. Do dê có khả năng thích nghi được với các vùng có khí hậu khô hạn, địa thế đồi núi, hiểm trở.

Chọn C.

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Nông nghiệp.

Cách giải:

Lúa gạo là cây phát triển tốt nhất trên đất phù sa, cần có nhiều phân bón.

Chọn A.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Công nghiệp.

Cách giải:

Đòi hỏi trình độ khoa học - kỹ thuật cao là đặc điểm không đúng về đặc điểm ngành công nghiệp dệt.

Chọn C.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Dịch vụ.

Cách giải:

Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là sự chuyên chở người và hàng hóa.

Chọn D.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Công nghiệp.

Cách giải:

Gắn liền với đô thị vừa và lớn không phải là đặc điểm của khu công nghiệp tập trung.

Chọn C.

Câu 15 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Công nghiệp.

Cách giải:

Sản phẩm công nghiệp điện tử - tin học thuộc nhóm thiết bị viễn thông là máy fax, điện thoại, mạng viba.

Chọn D.

Câu 16 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Dịch vụ.

Cách giải:

Loại hình vận tải có tính cơ động, khả năng thích ứng cao với mọi loại địa hình, đạt hiệu quả kinh tế cao trên các cự li ngắn và trung bình là giao thông đường ô tô.

Chọn D.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Tính toán

Cách giải:

* Công thức:

$$\text{Cự li vận chuyển trung bình (km)} = \frac{\text{Khối lượng luân chuyển}}{\text{Khối lượng vận chuyển}}$$

* Đổi: 9385,0 nghìn tấn = 9,385 triệu tấn

=> Cự li vận chuyển trung bình về hàng hoá của đường sắt nước ta năm 2013 là:

$$\frac{3725,5}{9,385} = 396,9 \text{ (km)}$$

Chọn C.

Câu 18 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Nông nghiệp.

Cách giải:

Ngành nông nghiệp có vai trò cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.

Chọn C.

Câu 19 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Công nghiệp.

Cách giải:

Phụ thuộc nhiều vào tự nhiên không phải là đặc điểm của sản xuất công nghiệp.

Chọn D.

Câu 20 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Công nghiệp.

Cách giải:

Ngành điện tử - tin học được coi là thước đo trình độ phát triển khoa học - kĩ thuật của mọi quốc gia trên thế giới vì:

- Để tạo ra một sản phẩm cần nhiều thời gian, chi phí cao, đòi hỏi chất xám và trình độ kĩ thuật cao.
- Yêu cầu lao động trẻ vì lao động trẻ có khả năng tìm tòi, sáng tạo và đạt hiệu quả cao, trình độ kĩ thuật cao để có thể tạo ra các sản phẩm tốt, chất lượng cao.
- Vai trò của ngành công nghiệp điện tử – tin học:
 - + Giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống công nghiệp trên thế giới ở thế kỉ XXI nhằm đưa nền kinh tế – xã hội lên một trình độ cao mới.
 - + Là ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều nước, đồng thời là thước đo trình độ phát triển kinh tế – kĩ thuật của mọi quốc gia trên thế giới.

Chọn A.

Câu 21 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Nông nghiệp.

Cách giải:

Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cây trồng và vật nuôi.

Chọn C.

Câu 22 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Công nghiệp.

Cách giải:

Nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến việc lựa chọn địa điểm xây dựng khu công nghiệp là vị trí địa lí.

Chọn D.

Câu 23 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Dịch vụ.

Cách giải:

Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán có ảnh hưởng đến hình thức tổ chức mạng lưới dịch vụ.

Chọn B.

Câu 24 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, Dịch vụ.

Cách giải:

Đường ô tô có khả năng phối hợp hoạt động với các loại hình vận tải khác.

Chọn A.

PHẦN II. TỰ LUẬN (4 điểm)

Câu 25 (VD):

Phương pháp:

Nhận dạng biểu đồ.

Cách giải:

Gợi ý:

* Vẽ biểu đồ thể hiện dân số thế giới giai đoạn 2000 – 2019.

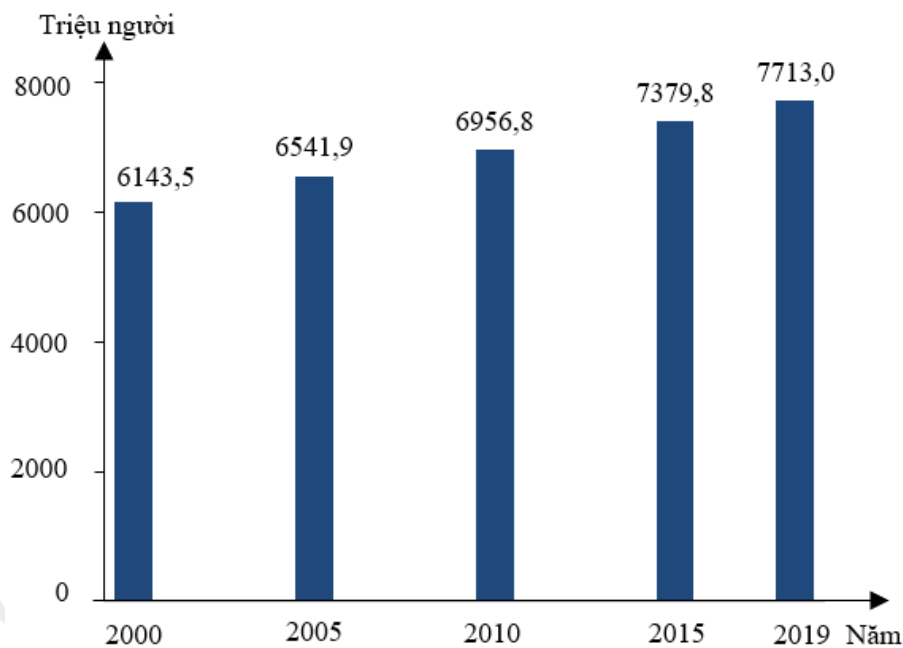
- Vẽ biểu đồ cột.

- Yêu cầu:

+ Vẽ chính xác, đầy đủ các yếu tố, sạch đẹp.

+ Vẽ đúng khoảng cách năm và tỉ lệ trục tung.

+ Vẽ bảng 1 màu mực.



Biểu đồ thể hiện dân số thế giới giai đoạn 2000 – 2019

* Nhận xét

Dân số thế giới giai đoạn 2000 – 2019 tăng nhanh, tăng liên tục, trung bình mỗi năm tăng 82,6 triệu người. Sự gia tăng dân số trong từng giai đoạn cụ thể như sau:

- Giai đoạn 2000 – 2005: tăng 398,4 triệu người.
- Giai đoạn 2005 – 2010: tăng 414,9 triệu người.
- Giai đoạn 2010 – 2015: tăng 423,0 triệu người.
- Giai đoạn 2015 – 2019: tăng 333,2 triệu người.

Câu 26 (TH):

Phương pháp:

Phân tích, giải thích.

Cách giải:

* Phân tích những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai:

- Tiếp tục giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác, tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.
- Phát triển các ngành công nghiệp gắn với khoa học công nghệ có hàm lượng kĩ thuật cao, ít gây ô nhiễm môi trường.
- Đẩy mạnh sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo (ví dụ: năng lượng gió, năng lượng Mặt Trời, năng lượng thủy triều, năng lượng địa nhiệt,...)
- Tăng trưởng xanh theo hướng sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường (túi rác tự phân hủy sinh học, ly giấy, túi giấy,...),...

* Giải thích vì sao than dần được thay thế bằng nguồn năng lượng tái tạo:

- Quá trình khai thác than gây suy thoái thảm thực vật, gia tăng xói mòn đất và ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí,...
- Quá trình sử dụng than gây ra ô nhiễm không khí, gây ra nhiều bệnh tật cho con người như bệnh lý tim mạch và các bệnh lý đường hô hấp,...
- Được thay thế bởi các nguồn năng lượng tái tạo do năng lượng tái tạo có nhiều ưu điểm như có thể tái tạo được, trữ lượng vô cùng lớn, vô tận. Các dạng năng lượng như mặt trời, gió, địa nhiệt, sóng biển, mưa,... có sẵn và tự do sử dụng, không mất chi phí nhiên liệu.